

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa
bàn thành phố Hải Phòng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 589/TTr-SNNMT ngày 30 tháng 9 năm 2025;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định quy định phạm vi vùng



phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết khoản 7 Điều 40 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 về phạm vi vùng phụ cận đối với các công trình thủy lợi khác, bao gồm:

1. Công trình trên kênh.
2. Bờ bao thủy lợi.
3. Trạm bơm.
4. Công trình phục vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi.
5. Kênh có lưu lượng nhỏ hơn $2\text{m}^3/\text{s}$.
6. Kênh không có bờ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Công trình trên kênh là những công trình cống, đập, tràn, xi phông, cầu máng được xây dựng trong lòng kênh, hai bên bờ kênh có nhiệm vụ dẫn nước, lấy nước, điều tiết nước, đo nước, chuyển nước, xả nước, tiêu nước.

2. Công trình phục vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi, gồm: Trụ sở làm việc, văn phòng làm việc, nhà quản lý, trạm quản lý, đường quản lý; thiết bị quan trắc; kho, bãi vật tư, vật liệu và các công trình, vật kiến trúc khác.

3. Vùng phụ cận là phạm vi tiếp giáp công trình thủy lợi được quy định áp dụng đối với từng loại công trình nhằm bảo vệ an toàn công trình.

4. Kênh có bờ là kênh mà hai bên có phần đất hoặc công trình được đắp hoặc xây dựng để giữ nước bên trong lòng kênh, ngăn cách lòng kênh với môi trường xung quanh và chống xói lở.

5. Kênh không có bờ là kênh không có phần đất hoặc công trình được đắp hoặc xây dựng như kênh có bờ.

Điều 4. Phạm vi vùng phụ cận của công trình thủy lợi

1. Công trình trên kênh, phạm vi vùng phụ cận tính từ điểm xây đúc ngoài cùng của công trình hoặc điểm gia cố bảo vệ ngoài cùng của công trình trở ra là 03m về mọi phía.

2. Bờ bao thủy lợi

a) Bờ bao độc lập, phạm vi vùng phụ cận được tính từ chân bờ trở ra mỗi phía 03m đối với bờ bao phạm vi bảo vệ từ 02 xã, phường trở lên; 02m đối với bờ bao trong phạm vi 01 xã, phường, đặc khu.

b) Bờ kênh kết hợp, phạm vi vùng phụ cận xác định như đối với phạm vi vùng phụ cận của kênh tương ứng theo quy định tại khoản 4 Điều 40 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14, khoản 5 Điều này.

3. Trạm bơm

a) Khu vực trạm bơm đã có hàng rào bảo vệ hoặc mốc chỉ giới bảo vệ công trình, phạm vi bảo vệ công trình được xác định bằng hàng rào bảo vệ hoặc các mốc chỉ giới bảo vệ công trình.

b) Khu vực trạm bơm chưa có hàng rào bảo vệ hoặc mốc chỉ giới bảo vệ công trình, phạm vi bảo vệ công trình được tính gồm toàn bộ diện tích đất được Nhà nước giao khi xây dựng và đưa công trình vào sử dụng.

4. Công trình phục vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi

a) Khu vực công trình phục vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi đã có hàng rào bảo vệ hoặc mốc chỉ giới bảo vệ công trình, phạm vi bảo vệ công trình được xác định bằng hàng rào bảo vệ hoặc các mốc chỉ giới bảo vệ công trình.

b) Khu vực công trình phục vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi chưa có hàng rào bảo vệ hoặc mốc chỉ giới bảo vệ công trình, phạm vi bảo vệ công trình được tính gồm toàn bộ diện tích đất được Nhà nước giao khi xây dựng và đưa công trình vào sử dụng.

5. Kênh có bờ kênh có lưu lượng nhỏ hơn $02 \text{ m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận được tính từ chân mái ngoài trở ra 02 m đối với kênh đất, 01 m đối với kênh kiên cố.

6. Kênh không có bờ

a) Kênh đất, phạm vi vùng phụ cận được tính từ giao tuyến giữa mái trong kênh với mặt đất tự nhiên, được xác định như sau:

Đối với tuyến kênh gồm đoạn có bờ và không có bờ, phạm vi vùng phụ cận đoạn không có bờ được xác định bằng khoảng cách vùng phụ cận của từng loại kênh đất theo quy định tại khoản 4 Điều 40 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14, khoản 5 Điều này và cộng thêm khoảng cách bằng chiều rộng bờ kênh theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt của đoạn kênh có bờ gần nhất cùng tuyến.

Trường hợp toàn tuyến kênh không có bờ hoặc đoạn có bờ nhưng không có hồ sơ thiết kế được phê duyệt, vùng phụ cận được xác định bằng khoảng cách vùng phụ cận của từng loại kênh đất theo quy định tại khoản 4 Điều 40 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14, khoản 5 Điều này cộng thêm khoảng cách bờ kênh tối thiểu theo Quy chuẩn, Tiêu chuẩn thiết kế kênh hiện hành tương ứng với lưu lượng kênh.

b) Kênh kiên cố, phạm vi vùng phụ cận được tính từ phần xây đúc cuối cùng trở ra, khoảng cách bằng khoảng cách vùng phụ cận của từng loại kênh.

kiên cố theo quy định tại khoản 4 Điều 40 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14, khoản 5 Điều này cộng thêm tối thiểu 01 m.

Điều 5. Điều khoản thi hành

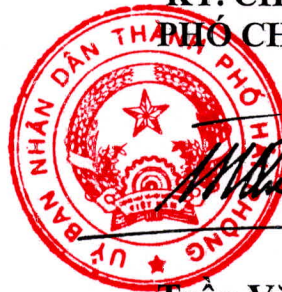
1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 10 năm 2025 và thay thế Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quy định phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác trên địa bàn thành phố Hải Phòng và Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở, ban ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Chủ tịch, Tổng Giám đốc các Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ NN&MT;
- Cục QL và XDCT Thủy lợi;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐNDTP;
- Đoàn ĐBQH TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Sở Tư pháp;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Hải Phòng;
- Công TTĐT TP;
- Công báo TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Các Phòng CV;
- Lưu: VT, N.Đ.Minh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Quân